



## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

**1. Tên thuốc:** MNS DWP 164mg/170mg/25mg

**2. Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc**

★ “Đề xa tâm tay trẻ em”

★ “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

**3. Thành phần công thức thuốc:** Mỗi viên nén chứa:

|                       |                                             |       |
|-----------------------|---------------------------------------------|-------|
| Thành phần dược chất: | Magnesi hydroxyd                            | 164mg |
|                       | Nhôm oxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô) | 170mg |
|                       | Simethicon (dưới dạng bột Simethicon)       | 25mg  |

Thành phần tá dược: Crospovidon, Microcrystalline cellulose, Tinh bột ngô, Povidon K30, Glyceryl dibehenat.

**4. Dạng bào chế:** Viên nén.

Mô tả: Viên nén màu trắng hoặc gần như trắng, hình thuôn dài, một mặt có chữ “dwp”, một mặt có vạch bẻ, cạnh và thành viên lành lặn.

**5. Chỉ định**

Giảm triệu chứng khó chịu do đầy hơi, khó tiêu, ợ chua và thừa acid.

**6. Cách dùng, liều dùng**

**Cách dùng:** Thuốc dùng đường uống. Nên ngậm hoặc nhai viên trước khi uống.

**Liều dùng:**

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống 1 - 2 viên, sau bữa ăn, trước khi đi ngủ hoặc bất cứ khi nào cảm thấy khó chịu.

Trẻ em từ 5 - 12 tuổi: Uống 1 viên sau bữa ăn, trước khi đi ngủ hoặc bất cứ khi nào cảm thấy khó chịu.

Trẻ em dưới 5 tuổi: Không nên dùng.

Người cao tuổi: Không cần giảm liều ở người cao tuổi.

**7. Chống chỉ định**

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Hạ phospho máu.

**8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**

Thận trọng khi sử dụng cho bệnh nhân suy giảm chức năng thận.

Nếu các triệu chứng kéo dài hơn 5 ngày, cần tham khảo ý kiến bác sĩ.

**9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

\* Thời kỳ mang thai

Không có dữ liệu đầy đủ trên người về việc sử dụng nhôm hydroxyd và magnesi hydroxyd ở phụ nữ có thai. Chưa có nghiên cứu tiến hành trên động vật.

Không có dữ liệu nào cho thấy bất kỳ tác dụng có hại nào ở phụ nữ mang thai liên quan đến simethicon. Vì vậy cần thận trọng khi dùng cho phụ nữ có thai.

*\* Thời kỳ cho con bú:*

Mặc dù một lượng nhỏ nhôm và magnesi có thể được tiết vào sữa mẹ, nhưng nồng độ quá nhỏ để có thể gây hại.

Chưa rõ simethicon có tiết vào sữa mẹ không nhưng hầu như khó xảy ra.

#### **10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc**

Không có ảnh hưởng được biết đến.

#### **11. Tương tác, tương kỵ của thuốc**

*\* Tương tác của thuốc*

Thuốc có thể cản trở hấp thu của tetracyclin, chloroquin, penicillamin, phenothiazin và kháng sinh quinolon khi sử dụng đồng thời.

*\* Tương kỵ của thuốc:* Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

#### **12. Tác dụng không mong muốn của thuốc**

Đôi khi có thể gây tiêu chảy hoặc táo bón, mặc dù sự kết hợp của magnesi và nhôm làm giảm thiểu những tác động trên đường tiêu hóa này.

#### **13. Quá liều và cách xử trí**

- *Quá liều:* Các triệu chứng của quá liều bao gồm buồn nôn, nôn, kích ứng đường tiêu hóa, tiêu chảy / táo bón.

- *Cách xử trí:* Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

#### **14. Đặc tính dược lực học**

Mã ATC: A02AF02

Nhóm dược lý: Thuốc kháng acid kết hợp thuốc chống đầy hơi.

#### **15. Quy cách đóng gói**

Hộp 6 vỉ x 10 viên. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

#### **16. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng thuốc**

- *Điều kiện bảo quản:* Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

- *Hạn dùng:* 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

- *Tiêu chuẩn chất lượng thuốc:* TCCS.

#### **17. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:**

*Tên cơ sở sản xuất :* CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR

*Địa chỉ:* Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.